

Số: /2026/NQ-HĐND

Hưng Yên, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư trong
Khu kinh tế Thái Bình, tỉnh Hưng Yên, giai đoạn 2026-2030**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 06 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

Căn cứ Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng;

Căn cứ Quyết định số 36/2017/QĐ-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Khu kinh tế Thái Bình, tỉnh Hưng Yên;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày / /2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Quy định chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư trong Khu kinh tế Thái Bình, tỉnh Hưng Yên, giai đoạn 2026-2030; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND ngày / /2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư trong Khu kinh tế Thái Bình, tỉnh Hưng Yên, giai đoạn 2026-2030.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư trong Khu kinh tế Thái Bình, tỉnh Hưng Yên, giai đoạn 2026-2030.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày... tháng....năm 2026 và thay thế Nghị quyết số 07/2020/NQ-HĐND ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trong Khu kinh tế Thái Bình, tỉnh Hưng Yên, giai đoạn từ năm 2020 đến năm 2030.

2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

b) Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên khóa kỳ họpthông qua ngày...tháng...năm..../.

Nơi nhận:

CHỦ TỊCH

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính; Nông nghiệp và Môi trường;
- Công Thương; Nội vụ; Giáo dục và Đào tạo;
- Cục kiểm tra Văn bản và quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực XI;
- Các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Kho bạc Nhà nước Khu vực V;
- Ủy ban nhân dân các xã, phường.
- Báo và PTTH Hưng Yên; Cổng thông tin điện tử tỉnh; Trang thông tin điện tử Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh tỉnh;
- Lưu: VT.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

DỰ THẢO

QUY ĐỊNH

Chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư trong Khu kinh tế Thái Bình, tỉnh Hưng Yên, giai đoạn 2026-2030

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND ngày tháng năm 2026
của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư trong Khu kinh tế Thái Bình, tỉnh Hưng Yên (sau đây gọi tắt là Khu kinh tế), giai đoạn 2026-2030.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các doanh nghiệp được thành lập, đăng ký, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp có dự án đầu tư mới, đầu tư mở rộng trong Khu kinh tế (gọi là nhà đầu tư).

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng chính sách ưu đãi, hỗ trợ

1. Nhà đầu tư khi thực hiện dự án đầu tư trong Khu kinh tế, ngoài việc được hưởng chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư theo quy định của Trung ương, còn được hưởng chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư hiện hành của tỉnh và theo Quy định này.

2. Đối với cùng một nội dung ưu đãi, hỗ trợ, trường hợp các quy định trong Quy định này khác với quy định của Trung ương thì thực hiện theo quy định của Trung ương.

3. Trường hợp nhà đầu tư thuộc đối tượng được áp dụng nhiều chính sách ưu đãi, hỗ trợ khác nhau của tỉnh trong cùng một thời điểm, nhà đầu tư được lựa chọn áp dụng mức ưu đãi, hỗ trợ cao nhất.

4. Đối với các dự án khuyến khích đầu tư vào Khu kinh tế quy định tại Điều 3 Quy định này ngoài việc được hưởng các chính sách tại Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7 Quy định này còn được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ tại Điều 8, Điều 9, Điều 10 Quy định này.

Điều 3. Các dự án khuyến khích đầu tư vào Khu kinh tế

1. Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp sinh thái, khu công nghiệp công nghệ cao, khu công nghiệp chuyên ngành theo quy định tại khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 2 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế.

2. Dự án đầu tư sản xuất công nghiệp có quy mô lớn, suất vốn đầu tư cao, công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường, đóng góp nhiều cho ngân sách nhà nước (*Chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo*).

3. Dự án đầu tư trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ, logistics quy mô lớn, hiện đại (*Chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo*).

4. Dự án sản xuất nông nghiệp tập trung, quy mô lớn (*Chi tiết tại Phụ lục 3 kèm theo*).

5. Dự án đầu tư xây dựng trung tâm nghiên cứu và phát triển khoa học công nghệ (*Chi tiết tại Phụ lục 4 kèm theo*).

6. Dự án đầu tư xây dựng mạng viễn thông cố định mặt đất, trạm phát sóng 5G, 6G và các thế hệ tiếp theo.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1: Chính sách hỗ trợ chung

Điều 4. Hỗ trợ hạ tầng kỹ thuật dùng chung

1. Tỉnh đầu tư xây dựng hệ thống đường giao thông đến ranh giới khu công nghiệp và các khu chức năng khác trong Khu kinh tế.

2. Tỉnh quy hoạch đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong Khu kinh tế; mời gọi và tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ đầu tư xây dựng hệ thống điện, hệ thống cấp nước, hệ thống thông tin liên lạc đáp ứng nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong Khu kinh tế.

Điều 5. Hỗ trợ thủ tục hành chính

1. Nhà đầu tư được cung cấp các thông tin về: Môi trường đầu tư, quy hoạch, đất đai, nguồn cung cấp nguyên vật liệu, các dịch vụ logistics; được giải quyết nhanh, gọn các thủ tục hành chính về đầu tư, doanh nghiệp, đất đai, xây dựng, môi trường, lao động, thương mại theo cơ chế "Một cửa tại chỗ" tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Hưng Yên.

Đối với Dự án đầu tư trong Khu kinh tế thuộc danh mục các dự án khuyến khích đầu tư vào Khu kinh tế quy định tại Điều 3 Quy định này; dự án có tổng vốn đầu tư trên 100 triệu USD; dự án có ngành nghề thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo được áp dụng cơ chế "luồng xanh" trong giải quyết thủ tục hành chính theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Nhà đầu tư có dự án đầu tư vào Khu kinh tế thuộc danh mục các dự án khuyến khích đầu tư vào Khu kinh tế quy định tại Điều 3 Quy định này hoặc có tổng vốn đầu tư trên 100 triệu USD được hỗ trợ chi phí dịch vụ tư vấn lập hồ sơ

đề nghị cấp mới Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư nhưng không quá 50 triệu đồng/hồ sơ cấp mới Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, 30 triệu đồng/hồ sơ cấp mới Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

Điều kiện hưởng hỗ trợ: Nhà đầu tư được hưởng hỗ trợ khi được cơ quan có thẩm quyền cấp Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án.

Điều 6. Hỗ trợ cung ứng, tuyển dụng và đào tạo lao động

1. Hỗ trợ cung ứng lao động

Nhà đầu tư có dự án đầu tư tại Khu kinh tế được hỗ trợ kết nối với các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong và ngoài tỉnh để đào tạo, cung ứng lao động theo nhu cầu; được tham gia các hoạt động kết nối giữa doanh nghiệp và cơ sở đào tạo do Tỉnh tổ chức.

2. Hỗ trợ đăng tải thông tin tuyển dụng lao động

Nhà đầu tư có dự án đầu tư tại Khu kinh tế được hỗ trợ miễn phí đăng tải thông tin tuyển dụng trên các phương tiện thông tin chính thức của tỉnh và cơ quan chức năng ở tỉnh.

3. Hỗ trợ đào tạo lao động

a) Nội dung hỗ trợ

Nhà đầu tư có dự án đầu tư tại Khu kinh tế được hỗ trợ chi phí đào tạo nghề cho lao động, tối đa không quá 05 triệu đồng/lao động. Việc hỗ trợ thực hiện theo nguyên tắc: Mỗi lao động chỉ được hỗ trợ một lần theo chính sách quy định tại Quy định này.

b) Điều kiện để được hỗ trợ:

Nhà đầu tư được hưởng hỗ trợ khi có đủ các điều kiện sau: Đào tạo nghề cho lao động (trình độ sơ cấp trở lên) theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành về giáo dục nghề nghiệp; Nhà đầu tư có thể tự tổ chức đào tạo (đối với trường hợp doanh nghiệp được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp hoặc thông qua các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp; Lao động tuyển dụng từ sau ngày 01 tháng 01 năm 2026, có thời gian đóng bảo hiểm xã hội tại doanh nghiệp đủ 36 tháng; có văn bằng hoặc chứng chỉ đã hoàn thành khoá đào tạo nghề theo quy định.

Mục 2: Chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với các dự án khuyến khích đầu tư vào Khu kinh tế

Điều 7. Ưu đãi về đất đai

Các dự án quy định tại Điều 3 Quy định này thuê đất trực tiếp của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm không thông qua hình thức đấu giá được áp dụng tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất với mức thấp nhất theo quy định tại Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

Điều 8. Hỗ trợ xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp sinh thái, khu công nghiệp công nghệ cao, khu công nghiệp chuyên ngành

1. Nội dung hỗ trợ

Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp sinh thái, khu công nghiệp công nghệ cao, khu công nghiệp chuyên ngành quy định tại khoản 1 Điều 3 Quy định này được hỗ trợ 50% chi phí đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung nhưng không quá 20 tỷ đồng cho một khu công nghiệp có diện tích dưới 300 ha, không quá 25 tỷ đồng cho một khu công nghiệp có diện tích từ 300 ha đến dưới 500 ha, không quá 30 tỷ đồng cho một khu công nghiệp có diện tích từ 500 ha trở lên.

2. Điều kiện để được hỗ trợ

- Quy mô công suất thiết kế của hệ thống xử lý nước thải tập trung đảm bảo theo quy định tại Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Giấy phép môi trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Đối với khu công nghiệp sinh thái, ngoài việc đáp ứng điều kiện nêu trên Nhà đầu tư còn phải được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái.

3. Phương thức hỗ trợ:

Nhà đầu tư được xem xét hỗ trợ khi hệ thống xử lý nước thải tập trung hoàn thành và đi vào hoạt động. Trường hợp hệ thống xử lý nước thải đầu tư theo nhiều giai đoạn thì được hỗ trợ theo tỷ lệ công suất hoàn thành của từng giai đoạn so với tổng công suất của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Điều 9. Hỗ trợ tiền thuê hạ tầng khu công nghiệp

1. Nội dung hỗ trợ:

Các dự án quy định tại khoản 2 Điều 3 Quy định này được hỗ trợ 50% tiền thuê hạ tầng khu công nghiệp trong 5 năm, nhưng tối đa không quá 25 tỷ đồng/dự án.

2. Điều kiện để được hỗ trợ:

Có hợp đồng thuê hạ tầng khu công nghiệp, có Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của dự án.

3. Phương thức hỗ trợ:

Nhà đầu tư được hỗ trợ sau khi dự án đã hoàn thành và đi vào hoạt động.

Điều 10. Hỗ trợ đầu tư xây dựng mạng viễn thông cố định mặt đất, trạm phát sóng 5G, 6G và các thế hệ tiếp theo

Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông được Tỉnh quy hoạch, bố trí quỹ đất để thực hiện đầu tư xây dựng mạng viễn thông cố định mặt đất, trạm phát sóng 5G, 6G và các thế hệ tiếp theo bảo đảm đáp ứng nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong Khu kinh tế.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Nguồn vốn hỗ trợ

1. Hằng năm, ngân sách cấp tỉnh bố trí một khoản kinh phí trong dự toán ngân sách để thực hiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư theo Quy định này trên cơ sở đề nghị của các sở, ngành và địa phương liên quan.
2. Nguồn kinh phí tài trợ, đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế; nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với các dự án được cấp có thẩm quyền chấp thuận đầu tư trước ngày Quy định này có hiệu lực và đủ điều kiện được hưởng ưu đãi, hỗ trợ theo Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/2020/NQ-HĐND ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh được tiếp tục hưởng ưu đãi, hỗ trợ theo Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/2020/NQ-HĐND ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh.
2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Quy định này có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản đã được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 13. Điều khoản thi hành

Các dự án đầu tư đã được hưởng chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư theo Quy định này nếu Nhà đầu tư không thực hiện dự án hoặc chuyển nhượng dự án cho doanh nghiệp khác không đúng quy định thì phải hoàn trả lại phần kinh phí đã được hỗ trợ về ngân sách Nhà nước./.

Phụ lục

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND ngày tháng năm 2026
của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên)

Phụ lục 1

**Danh mục các dự án sản xuất công nghiệp có quy mô lớn,
suất vốn đầu tư cao, công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường,
đóng góp nhiều cho ngân sách nhà nước**

STT	Danh mục dự án	Tiêu chí
1	Dự án sản xuất, lắp ráp ô tô	Tổng vốn đầu tư từ 500 triệu USD trở lên (không tính vốn lưu động); suất vốn đầu tư từ 5 triệu USD/ha trở lên
2	Dự án sản xuất phần mềm, trí tuệ nhân tạo, vi mạch, chip bán dẫn	Tổng vốn đầu tư từ 200 triệu USD trở lên (không tính vốn lưu động); suất vốn đầu tư từ 5 triệu USD/ha trở lên
3	Dự án sản xuất sản phẩm điện, điện tử	Tổng vốn đầu tư từ 200 triệu USD trở lên (không tính vốn lưu động); suất vốn đầu tư từ 5 triệu USD/ha trở lên
4	Dự án sản xuất dược phẩm	Tổng vốn đầu tư từ 100 triệu USD trở lên (không tính vốn lưu động); suất vốn đầu tư từ 5 triệu USD/ha trở lên
5	Dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển	Tổng vốn đầu tư từ 100 triệu USD trở lên (không tính vốn lưu động); suất vốn đầu tư từ 5 triệu USD/ha trở lên
6	Dự án chế tạo thiết bị cơ giới nông nghiệp	Tổng vốn đầu tư từ 100 triệu USD trở lên (không tính vốn lưu động); suất vốn đầu tư từ 5 triệu USD/ha trở lên

Phụ lục 2

Danh mục các dự án đầu tư trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ, logistics quy mô lớn, hiện đại

STT	Danh mục dự án	Tiêu chí
1	Dự án đầu tư xây dựng cảng biển	Có khả năng tiếp nhận tàu có trọng tải từ 20.000 DWT trở lên; năng lực thông qua: 02 triệu tấn hàng hóa/năm trở lên.
2	Dự án đầu tư xây dựng cảng cạn	Năng lực thông qua: 50.000 TEU/năm trở lên.
3	Dự án xây dựng khách sạn, khu nghỉ dưỡng cao cấp	Đạt tiêu chuẩn 5 sao
4	Dự án trung tâm logistic	Quy mô từ 10 ha trở lên.

Phụ lục 3

Danh mục các dự án sản xuất nông nghiệp tập trung, quy mô lớn

STT	Danh mục dự án	Tiêu chí
1	Khu sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung có quy mô lớn	Quy mô 50 ha trở lên
2	Dự án trồng cây dược liệu để phát triển dược liệu y học cổ truyền	Quy mô 10 ha trở lên

Phụ lục 4**Danh mục Dự án đầu tư xây dựng trung tâm nghiên cứu
và phát triển khoa học công nghệ**

STT	Danh mục dự án	Tiêu chí
1	Dự án đầu tư xây dựng trung tâm nghiên cứu và phát triển khoa học công nghệ	Tổng vốn đầu tư từ 50 triệu USD trở lên